

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH ĐẮK LẮK**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2018/HS-PT

Ngày 04- 6 - 2018

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Văn Công Dân.

*Các Thẩm phán:*

1. Ông Nguyễn Văn Chung.

2. Bà Trần Thị Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Khánh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** .Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2018/TLPT-HS ngày 11/4/2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Văn Q về tội “Cướp tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Nguyễn Văn Q đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

*Các bị cáo có kháng cáo:*

**1. Nguyễn Văn S** - Sinh năm: 1980 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Tố Nh (đã chết) và bà Trần Thị N, hiện trú tại: Buôn KA, xã ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ là Đặng Thị Hồng P và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2012, hiện đều trú tại: Khu phố 4, Phường TD, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai. Bị cáo bị tạm giam, tạm giữ từ ngày 20/10/2017 đến ngày 15/12/2017, được hủy bỏ biện pháp tạm giam, cho gia đình bảo lãnh tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Nguyễn Văn Q** - Sinh năm 1983 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Buôn KA, xã ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; chỗ ở hiện nay: Số 285 VVK, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kỹ sư điện; tiền án, tiền sự: Không; con ông Nguyễn Tổ Nh (đã chết) và bà Trần Thị N, hiện trú tại: Buôn KA, xã ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bị cáo có vợ là Phạm Xuân Nhi Vũ Thùy G; bị cáo có 01 con, sinh năm 2011, hiện đều trú tại: Số 285 Võ Văn Kiệt, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/10/2017 đến ngày 26/10/2017 được gia đình bảo lãnh tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

*Người bào chữa bảo vệ quyền lợi cho 02 bị cáo theo yêu cầu của các bị cáo:* Có Luật sư Hà Vĩnh Ph – Văn phòng luật sư VP, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi (Có mặt).

*Người bị hại:* Ông Cai Thế M; địa chỉ: Số 134 TVH, phường TC, thành phố KT, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Xuân Nhi Vũ Thùy G; địa chỉ: Số 285 VVK, phường KX, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2016, Nguyễn Văn S được Công ty TTD, có trụ sở tại: Tầng 2, khu nhà A, Chung cư E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giao làm chỉ huy trưởng và giám sát kỹ thuật công trình xây dựng Trường F, tại thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian làm việc tại đây, S có giao cho anh Cai Thế M, thi công phần sân tập lái của công trình trên. Sau khi kết thúc hợp đồng thì giữa S và anh M nảy sinh mâu thuẫn về việc chia lợi nhuận công trình do M nhận thi công. S cho rằng anh M còn nợ S số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), nên S đã nhờ kế toán của Công ty TTD khi nào thanh toán tiền công trình cho anh M thì báo cho S biết, để S đến gặp anh M đòi tiền nợ. Khoảng 15h ngày 19/10/2017, S được chị Phạm Thị Đ, là kế toán của Công ty TTD gọi điện báo cho biết anh M đang có mặt tại trụ sở của công ty thanh toán tiền. S liền rủ Nguyễn Văn Q, là em ruột của S, cùng đi đến Công ty TTD gặp anh M để đòi tiền. Sau khi chứng kiến việc chị Đ thanh toán cho anh M số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), thì S yêu cầu anh M cùng đi với S và Q đến quán cà phê VT, địa chỉ: Hẻm 40 đường HV, phường TA, thành phố B để giải quyết việc nợ nần tiền bạc giữa anh M và S. Khi cả ba vào trong quán cà phê thì có anh Đoàn Thế H là bạn của Q đến và cùng ngồi uống cà phê. Tại đây, S tính toán tiền lợi nhuận, tiền chi phí thi công công trình và yêu cầu anh M phải trả tiền cho S.

Anh M cho rằng việc anh M và S thỏa thuận chia lợi nhuận khi anh M nhận thi công sân tập lái của Trường F, thì anh M đã thanh toán cho S hết, nên không còn nợ tiền S. S vẫn yêu cầu anh M phải trả cho S số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), nhưng anh M không đồng ý. S liền dùng tay đánh nhiều cái vào mặt và người của anh M, đồng thời yêu cầu anh M phải đưa cho S số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), là tiền anh M vừa được thanh toán của Công ty TTĐ. Do bị đánh trúng miệng, nên anh M cúi xuống và dùng hai tay ôm mặt, S vẫn tiếp tục dùng tay đánh nhiều cái vào người anh M. Anh M vùng dậy bỏ chạy về phía trong gần quầy tính tiền của quán cà phê. S liền đuổi theo bắt anh M quay lại. Anh M sợ bị S đánh và lấy tiền, nên dùng hai tay ôm lấy cây cột gỗ trong quán cà phê, không dám quay lại bàn ngồi cùng S. Thấy vậy, Q chạy lại dùng tay tóm lấy tóc của anh M và giật về phía sau yêu cầu anh M quay lại bàn để trả tiền cho S. Anh M vẫn ôm cây cột gỗ không chịu quay lại, Q thả tóc anh M ra và cầm tay kéo, còn S dùng tay tóm tóc anh M, rồi cả hai bắt anh M ngồi xuống một chiếc bàn khác trong quán cà phê (anh H vẫn ngồi tại vị trí bàn cũ). Tại đây, S cùng với Q tiếp tục dùng tay đánh và đe dọa bắt anh M phải đưa số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), cho S. Do bị đánh đau và lo sợ, nên anh M lấy số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) vừa nhận của Công ty TTĐ, từ trong túi quần ra để lên bàn. Q liền cầm lấy số tiền này, S yêu cầu anh M lấy ví và điện thoại di động bỏ ra bàn, mục đích để kiểm tra anh M còn tiền không để lấy. Khi anh M lấy ví và điện thoại di động bỏ ra bàn, thì Q nói “Lấy tiền thôi, còn đồ đạc trả cho nó”, rồi đưa ví và điện thoại cho anh M. Thấy Q định đưa tiền cho S, anh M nói không còn tiền trả tiền phòng Nhà nghỉ và mua vé xe về lại tỉnh Kon Tum, S nói Q lấy tiền đưa cho anh M, Q lấy 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), từ trong số tiền vừa chiếm đoạt được đưa cho anh M. Sau đó, S nói “Còn số tiền 25.000.000 đồng giờ tính sao?”, rồi đưa giấy và bút cho anh M yêu cầu viết nội dung: Anh M nợ S số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Sau khi anh M viết xong. S giữ lấy tờ giấy và cho M đi về. Cùng ngày, anh M đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, trình báo vụ việc và yêu cầu xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận pháp y thương tích số: 1262/PY- TgT, ngày 20/10/2017 của Trung tâm pháp y Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chấn thương phần mềm vùng môi; Tỷ lệ thương tích là: 03% (ba phần trăm); Vật tác động: Cứng, tày.

Trong quá trình điều tra, anh Cai Thế M đã tự nguyện viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Q, đồng thời không yêu cầu xử lý đối với hành vi gây thương tích của S và Q đối với anh M.

Đối với số tiền chiếm đoạt được của anh Cai Thế M, Nguyễn Văn S đã sử dụng tiêu xài, ăn nhập hết 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), số tiền còn lại cùng 01 tờ giấy

do S yêu cầu anh M viết thể hiện việc anh M nợ tiền của S thì S đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, chị Phạm Xuân Nhi Vũ Thùy G, là vợ của Nguyễn Văn Q đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), để khắc phục hậu quả. Ngày 04/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, đã ra Quyết định xử lý vật chứng, giao trả lại cho anh Cai Thế M tổng số tiền 34.000.000 đồng (Ba mươi bốn triệu đồng). Sau khi nhận tiền bồi thường anh M không yêu cầu bồi thường gì thêm

***Tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HS-ST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk quyết định:***

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Q phạm tội “Cướp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 15/12/2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2017 đến ngày 26/10/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo và các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2018 bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/3/2018 bị cáo bị cáo Nguyễn Văn Q kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Q đều đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện cơ bản đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát luận tội và tranh luận: Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Q về tội “Cướp tài sản” theo khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, với số tiền các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại là 35 triệu đồng là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên sau khi chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) các

bị cáo bắt anh Cai Thế M viết giấy nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng thì cấp sơ thẩm chưa xem xét, xử lý đối với các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là bỏ lọt tội phạm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 358 BLTTHS tuyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm điều tra, truy tố, xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa Luật sư bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Mặc dù các bị cáo chưa đủ căn cứ để chứng minh số tiền mà Cai Thế M nợ bị cáo S nhưng trước đó S cũng đã nhiều lần đòi nợ M nhưng M cố tình không trả. Do vậy, việc bị cáo S và Q đánh M là do tức giận M nợ tiền S mà không chịu trả là vi phạm, không đúng pháp luật. Sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra sự việc đều bình thường. Hành vi M viết giấy nhận nợ S 25.000.000 đồng là tự nguyện. Do vậy, các bị cáo không phải phạm tội cướp tài sản mà đây là hành vi đòi nợ.

Mặc khác, sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, khắc phục toàn bộ thiệt hại, các bị cáo có nhân thân tốt, gia đình các bị cáo là gia đình có công với cách mạng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, các bị cáo lần đầu phạm tội. Vì vậy, căn cứ Nghị quyết 41 của Quốc hội đề nghị HĐXX xem xét xử lý các bị cáo về điều luật khác để miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn S cho rằng bị cáo không phạm tội cướp tài sản. Bị cáo Nguyễn Văn Q đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn Q tại phiên tòa phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, xâm phạm đến nền trật tự công cộng, đồng thời gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác là cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản hợp pháp của người khác là vi phạm pháp luật và bị pháp luật trừng trị. Song do ý thức coi thường pháp luật nên vào khoảng 15h ngày 19/10/2017, tại quán cà phê VT các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn Q, đã có hành vi đe dọa và dùng vũ lực đối với anh Cai Thế M, gây

thương tích cho anh M 03% (Ba phần trăm). Sau đó chiếm đoạt số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), và bắt anh Cai Thế M viết giấy nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng. Sau đó anh M có đơn yêu cầu tố cáo hành vi của các bị cáo đến cơ quan Công an thành phố Buôn Ma Thuột thì sự việc được phát hiện, xử lý.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Quá trình điều tra, truy tố và xét xử cấp sơ thẩm chỉ xem xét, xử lý hành vi phạm tội của các bị cáo về số tiền mà các bị cáo chiếm đoạt của anh M là 35.000.000 đồng mà chưa xem xét, xử lý đối với các bị cáo về hành vi mà anh Cai Thế M viết giấy nhận nợ số tiền 25.000.000 đồng là thiếu sót, không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên HĐXX phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên: Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 09/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để điều tra, truy tố, xét xử lại từ giai đoạn sơ thẩm. Giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk để giải quyết theo thủ tục chung.

[2] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- TANDTC;
- TANDCC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- VKSND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Công an thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Những người TGTT;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Văn Công Dân**

